CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 116/2017/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2017

NGHỊ ĐỊNH
Quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu ô tô; kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô cho các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp và doanh nghiệp nhập khẩu ô tô.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô tại Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Các điều kiện kinh doanh quy định tại Nghị định này không áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu các loại ô tô sau đây:

a) Ô tô được sản xuất, lắp ráp:

- Phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh;

- Từ ô tô sát xi có buồng lái hoặc từ ô tô hoàn chỉnh đã được chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

- Không tham gia giao thông công cộng, chỉ hoạt động trong phạm vi hẹp.

b) Ô tô nhập khẩu:

- Phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh theo kế hoạch do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Theo hình thức tạm nhập khẩu của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Thuộc diện quà biếu, quà tặng, tài sản di chuyển; hàng viện trợ của nước ngoài; phục vụ công tác nghiên cứu khoa học;

- Phục vụ các mục đích cá biệt theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

- Theo hình thức tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập; chuyển khẩu; gửi kho ngoại quan; quá cảnh;

- Không tham gia giao thông công cộng, chỉ hoạt động trong phạm vi hẹp;

- Ô tô chuyên dùng, ô tô chở người chuyên dùng và ô tô chở hàng chuyên dùng theo định nghĩa tại TCVN 6211: Phương tiện giao thông đường bộ - Kiểu - Thuật ngữ và định nghĩa; TCVN 7271: Phương tiện giao thông đường bộ - Ô tô - Phân loại theo mục đích sử dụng.

3. Nghị định này không áp dụng đối với các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô không thực hiện dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô cho các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp và doanh nghiệp nhập khẩu ô tô.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ô tô là loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, bao gồm các chủng loại ô tô con, ô tô khách, ô tô tải và ô tô chuyên dùng được định nghĩa tại TCVN 6211: Phương tiện giao thông đường bộ - Kiểu - Thuật ngữ và định nghĩa; TCVN 7271: Phương tiện giao thông đường bộ - Ô tô - Phân loại theo mục đích sử dụng và ô tô sát xi.

2. Ô tô sát xi là ô tô ở dạng bán thành phẩm, có thể tự di chuyển, có buồng lái hoặc không có buồng lái, không có thùng chở hàng, không có khoang chở khách, không gắn thiết bị chuyên dùng.

3. Sản xuất, lắp ráp ô tô là:

a) Quá trình tạo ra sản phẩm ô tô hoàn chỉnh, ô tô sát xi có buồng lái, ô tô sát xi không có buồng lái (khung gầm có gắn động cơ) từ các chi tiết, cụm chi tiết, bộ phận, tổng thành, hệ thống;

b) Quá trình tạo ra ô tô hoàn chỉnh, ô tô sát xi có buồng lái từ ô tô sát xi không có buồng lái.

4. Triệu hồi ô tô là hành động của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp và doanh nghiệp nhập khẩu thực hiện đối với ô tô có khuyết tật trong quá trình thiết kế, chế tạo, sản xuất, lắp ráp đã được cung cấp ra thị trường nhằm ngăn ngừa các nguy hiểm có thể xảy ra.

5. Thu hồi ô tô thải bỏ là việc tiếp nhận, thu gom ô tô thải bỏ để quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Bảo hành là nghĩa vụ pháp lý của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp và doanh nghiệp nhập khẩu ô tô trong việc bảo đảm chất lượng ô tô đã bán ra trong điều kiện nhất định.

7. Bảo dưỡng là công việc cần thực hiện theo hướng dẫn của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nhằm duy trì trạng thái vận hành bình thường của ô tô.

8. Cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô là tổ chức thực hiện việc bảo hành, bảo dưỡng ô tô có đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này.

9. Ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu là ô tô đã được đăng ký lưu hành tại nước xuất khẩu trước khi về đến cửa khẩu Việt Nam.

10. Lô xe nhập khẩu là các ô tô thuộc một tờ khai hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp nhập khẩu ô tô.

11. Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại ô tô nhập khẩu là kết quả kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với kiểu loại ô tô nhập khẩu vào Việt Nam.

12. Bản sao được hiểu là:

a) Bản chụp có chứng thực (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính, công văn hành chính hoặc nộp hồ sơ trực tiếp);

b) Bản chụp xuất trình kèm bản chính để đối chiếu (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp);

c) Bản scan từ bản chính (đối với trường hợp thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử).

Điều 4. Trách nhiệm bảo hành, bảo dưỡng ô tô của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp và doanh nghiệp nhập khẩu ô tô

1. Doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp và doanh nghiệp nhập khẩu ô tô thực hiện trách nhiệm bảo hành ô tô theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Đối với ô tô chưa qua sử dụng, thời hạn bảo hành tối thiểu 03 năm hoặc 100.000 km đối với ô tô con, tối thiểu 02 năm hoặc 50.000 km đối với ô tô khách và tối thiểu 01 năm hoặc 30.000 km đối với các loại ô tô còn lại tùy điều kiện nào đến trước.

3. Đối với ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu, thời hạn bảo hành tối thiểu 02 năm hoặc 50.000 km đối với ô tô con, tối thiểu 01 năm hoặc 20.000 km đối với các loại ô tô còn lại tùy điều kiện nào đến trước.

4. Doanh nghiệp có trách nhiệm công bố thông tin về thời hạn, nội dung và điều kiện bảo hành; chu kỳ và nội dung công việc bảo dưỡng; địa chỉ cơ sở bảo hành, bảo dưỡng có đủ năng lực theo quy định tại Nghị định này và các thông tin cần thiết khác phục vụ việc bảo hành, bảo dưỡng.

Điều 5. Trách nhiệm triệu hồi ô tô và thu hồi ô tô thải bỏ

1. Doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp và doanh nghiệp nhập khẩu ô tô phải triệu hồi ô tô theo quy định của pháp luật.

2. Mọi chi phí liên quan đến việc triệu hồi ô tô do doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp và doanh nghiệp nhập khẩu ô tô chi trả.

3. Doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp và doanh nghiệp nhập khẩu ô tô phải thu hồi ô tô thải bỏ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 6. Trách nhiệm bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước và ô tô nhập khẩu

1. Đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước:

a) Trường hợp kiểu loại ô tô có sự thay đổi tính tiện nghi và thẩm mỹ nhưng không làm thay đổi các thông số an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được sử dụng làm cơ sở để cấp giấy chứng nhận kiểu loại thì doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô được sử dụng kết quả chứng nhận đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy

chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho kiểu loại ô tô trước đó;

b) Các chi tiết, cụm chi tiết, bộ phận và tổng thành của ô tô thuộc phạm vi áp dụng của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải được thử nghiệm và chứng nhận theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng tại Việt Nam;

c) Trường hợp chi tiết, cụm chi tiết, bộ phận và tổng thành nhập khẩu từ nước ngoài đã có kết quả chứng nhận sự phù hợp về chất lượng từ các quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam ký kết thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực chứng nhận xe cơ giới thì thực hiện theo thỏa thuận;

d) Kiểu loại chi tiết, cụm chi tiết, bộ phận và tổng thành nhập khẩu của ô tô được cơ quan quản lý chất lượng Việt Nam cấp giấy chứng nhận cho Đại diện hợp pháp tại Việt Nam của doanh nghiệp sản xuất nước ngoài thì các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô được sử dụng kiểu loại chi tiết, cụm chi tiết, bộ phận và tổng thành này mà không phải thử nghiệm, chứng nhận lại;

đ) Kết quả kiểm tra, chứng nhận chất lượng ô tô, các chi tiết, cụm chi tiết, bộ phận và tổng thành có hiệu lực trong thời hạn 36 tháng.

2. Đối với ô tô nhập khẩu:

a) Ô tô chưa qua sử dụng nhập khẩu

- Khi tiến hành kiểm tra, thử nghiệm, doanh nghiệp nhập khẩu ô tô phải cung cấp cho cơ quan quản lý chất lượng các giấy tờ sau: Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại ô tô nhập khẩu được cấp bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài; bản chính Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài cấp cho từng ô tô; tài liệu về kết quả đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài đối với nhà máy sản xuất ra kiểu loại ô tô nhập khẩu còn hiệu lực được cấp bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài;

- Ô tô chưa qua sử dụng nhập khẩu phải được cơ quan quản lý chất lượng kiểm tra theo quy định đối với từng lô xe nhập khẩu. Mẫu ô tô đại diện cho từng kiểu loại ô tô trong lô xe nhập khẩu phải được kiểm tra, thử nghiệm về khí thải và chất lượng an toàn kỹ thuật theo quy định. Trường hợp mẫu ô tô được kiểm tra, thử nghiệm không đáp ứng các quy định về khí thải và chất lượng an toàn kỹ thuật thì doanh nghiệp nhập khẩu phải tái xuất toàn bộ ô tô thuộc cùng kiểu loại trong lô xe nhập khẩu đó;

- Ô tô nhập khẩu có kết quả chứng nhận sự phù hợp về chất lượng từ các quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam đã ký kết thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực chứng nhận xe cơ giới thì thực hiện theo thỏa thuận.

b) Ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu

- Ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu phải là ô tô đã đăng ký lưu hành tại các quốc gia có tiêu chuẩn khí thải tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn khí thải hiện hành của Việt Nam;

- Ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu phải được kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với từng xe theo quy định;

- Khi tiến hành thủ tục kiểm tra, doanh nghiệp nhập khẩu ô tô đã qua sử dụng phải cung cấp cho cơ quan quản lý chất lượng Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành còn hiệu lực đến trước khi xuất khẩu được cấp bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

3. Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước và ô tô nhập khẩu.

Chương II
ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, LẮP RÁP Ô TÔ

Điều 7. Điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô

Doanh nghiệp thành lập theo quy định của pháp luật được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Cơ sở vật chất:

a) Doanh nghiệp phải có quyền sử dụng hợp pháp đối với nhà xưởng, dây chuyền công nghệ lắp ráp, dây chuyền hàn, dây chuyền sơn, dây chuyền kiểm tra chất lượng sản phẩm và đường thử ô tô đáp ứng các yêu cầu tối thiểu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Có cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô thuộc sở hữu của doanh nghiệp, hoặc do doanh nghiệp ký hợp đồng thuê, hoặc thuộc hệ thống đại lý ủy quyền của doanh nghiệp đáp ứng quy định tại Nghị định này.

2. Người phụ trách kỹ thuật các dây chuyền sản xuất, lắp ráp ô tô phải có trình độ đại học trở lên, thuộc ngành cơ khí, ô tô và có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, lắp ráp ô tô tối thiểu 05 năm.

3. Có đủ nhân lực, phương án bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

4. Đáp ứng đủ điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy, phương án chữa cháy theo quy định của pháp luật phòng cháy, chữa cháy.

5. Có đủ các hồ sơ về bảo vệ môi trường đối với nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 8. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô

1. Bộ Công Thương là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô (Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương: 01 bản sao;

c) Danh mục các thiết bị dây chuyền sản xuất, lắp ráp ô tô đồng bộ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này: 01 bản sao;

d) Hồ sơ thuyết minh và thiết kế mặt bằng khu vực sản xuất và nhà xưởng: 01 bản sao;

đ) Hồ sơ thuyết minh và thiết kế đường thử ô tô: 01 bản sao;

e) Bằng cấp chuyên môn của người phụ trách kỹ thuật các dây chuyền sản xuất, lắp ráp ô tô: 01 bản sao;

g) Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định này: 01 bản sao;

h) Tài liệu chứng minh đủ điều kiện an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật: 01 bản sao.

3. Trình tự cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô:

a) Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác tới Bộ Công Thương;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện theo đúng quy định;

c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương thông báo cụ thể thời gian tiến hành kiểm tra, đánh giá thực tế tại doanh nghiệp. Thời hạn kiểm tra không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày thông báo.

Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá chưa đạt yêu cầu, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra, Bộ Công Thương thông báo để doanh nghiệp hoàn thiện;

d) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô (Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này) được cấp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế đạt yêu cầu. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

đ) Doanh nghiệp nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô trực tiếp tại Bộ Công Thương hoặc qua hệ thống bưu chính (nếu có yêu cầu) hoặc theo hình thức phù hợp khác.

Điều 9. Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô được cấp đổi trong trường hợp có sự thay đổi về nội dung thông tin ghi trên Giấy chứng nhận.

2. Hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô gồm:

a) Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô (Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô đã được cấp: 01 bản sao;

c) Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.

3. Trình tự cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô:

a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác tới Bộ Công Thương;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện theo đúng quy định;

c) Trường hợp cần phải kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ Công Thương thông báo thời gian và tiến hành kiểm tra. Thời hạn kiểm tra không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày thông báo;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế (nếu có) đạt yêu cầu, Bộ Công Thương xem xét cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô cho doanh nghiệp. Trường hợp không cấp đổi Giấy chứng nhận, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày được cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại cho Bộ Công Thương bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp trước đó.

Điều 10. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô

1. Trong trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô bị mất hoặc bị hỏng, hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận gồm Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô, trong đó nêu rõ lý do mất, thất lạc, hư hỏng (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính.

2. Trình tự cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô:

a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác tới Bộ Công Thương;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện theo đúng quy định;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô cho doanh nghiệp. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 11. Kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất đối với doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô

1. Kiểm tra, giám sát định kỳ

Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thành lập Đoàn kiểm tra doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô trên phạm vi toàn quốc theo định kỳ 24 tháng.

2. Kiểm tra đột xuất

Bộ Công Thương phối hợp với các cơ quan liên quan thành lập Đoàn kiểm tra đột xuất doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô trong các trường hợp sau:

a) Nhận được thông tin phản ánh có căn cứ về việc doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô vi phạm các quy định về điều kiện kinh doanh quy định tại Nghị định này;

b) Có văn bản yêu cầu của cơ quan chức năng.

3. Nội dung kiểm tra: Đánh giá việc duy trì hoạt động và các điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô theo các nội dung đăng ký và đã được chứng nhận, gồm: Kiểm tra hồ sơ pháp lý, kiểm tra cơ sở vật chất, kiểm tra các dây chuyền công nghệ và kiểm tra việc tuân thủ các quy định tại Nghị định này.

4. Các nội dung kiểm tra phải được lập thành Biên bản (Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này). Trong trường hợp phát hiện sai phạm, Đoàn kiểm tra có trách nhiệm kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền liên quan xử lý theo quy định.

Điều 12. Tạm dừng hiệu lực, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô

1. Tạm dừng hiệu lực Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô đã cấp cho doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

a) Không duy trì các điều kiện kinh doanh quy định tại Nghị định này trong quá trình hoạt động;

b) Thực hiện không đầy đủ các quy định của pháp luật về triệu hồi, bảo hành ô tô và thu hồi ô tô thải bỏ;

c) Không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định này.

Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bị tạm dừng hiệu lực Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô, nếu doanh nghiệp khắc phục hoàn toàn vi phạm sẽ được xem xét hủy bỏ việc tạm dừng hiệu lực Giấy chứng nhận.

2. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô đã cấp cho doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

a) Giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

b) Cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;

c) Cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô;

d) Cho thuê, mượn, tự ý sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô;

đ) Không triển khai hoạt động sản xuất, lắp ráp ô tô trong thời gian 12 tháng liên tục kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô;

e) Không thực hiện các quy định của pháp luật về triệu hồi ô tô, thu hồi ô tô thải bỏ và bảo hành sản phẩm;

g) Không khắc phục hoàn toàn vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bị tạm dừng hiệu lực Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô.

3. Việc tạm dừng hiệu lực, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô thực hiện theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương. Quyết định phải ghi rõ lý do tạm dừng hiệu lực, thu hồi Giấy chứng nhận.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô, doanh nghiệp phải nộp lại bản chính Giấy chứng nhận cho Bộ Công Thương.

5. Bộ Công Thương có trách nhiệm thông báo cho cơ quan đăng kiểm và công bố công khai về việc tạm dừng hiệu lực, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô.

6. Đối với các trường hợp đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô, doanh nghiệp có nhu cầu cấp mới Giấy chứng nhận phải thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

Điều 13. Trách nhiệm của doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô

1. Duy trì các điều kiện kinh doanh và bảo đảm việc thực hiện trách nhiệm bảo hành, bảo dưỡng, triệu hồi ô tô và thu hồi ô tô thải bỏ theo quy định tại Nghị định này.

2. Chấp hành việc kiểm tra, giám sát định kỳ, kiểm tra đột xuất của cơ quan có thẩm quyền.

3. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015 hoặc tương đương vào quá trình sản xuất trong thời hạn 12 tháng kể từ khi doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô.

4. Cung cấp cho người mua các tài liệu, giấy tờ sau:

a) Tài liệu hướng dẫn sử dụng của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô bằng tiếng Việt;

b) Sổ bảo hành nêu rõ các thông tin về thời hạn và điều kiện bảo hành; chu kỳ và nội dung công việc bảo dưỡng; địa chỉ cơ sở bảo hành, bảo dưỡng và các thông tin cần thiết khác phục vụ việc bảo hành, bảo dưỡng.

5. Báo cáo Bộ Công Thương tình hình sản xuất, lắp ráp ô tô trước ngày 30 tháng 01 hàng năm (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này) hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Công Thương.

Chương III
ĐIỀU KIỆN KINH DOANH NHẬP KHẨU Ô TÔ

Điều 14. Quy định chung về kinh doanh nhập khẩu ô tô

1. Chỉ doanh nghiệp mới được xem xét cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô.

2. Doanh nghiệp được quyền nhập khẩu ô tô sau khi đáp ứng các điều kiện và được cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô theo quy định tại Nghị định này.

3. Doanh nghiệp nhập khẩu ô tô phải tuân thủ các quy định về quản lý nhập khẩu ô tô tại Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 15. Điều kiện kinh doanh nhập khẩu ô tô

Doanh nghiệp thành lập theo quy định của pháp luật được cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô thuộc sở hữu của doanh nghiệp, hoặc do doanh nghiệp ký hợp đồng thuê, hoặc thuộc hệ thống đại lý ủy quyền của doanh nghiệp đáp ứng quy định tại Nghị định này.

2. Có văn bản xác nhận hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp được quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài thực hiện lệnh triệu hồi ô tô nhập khẩu tại Việt Nam.

Điều 16. Cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô

1. Bộ Công Thương là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô (Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương: 01 bản sao;

c) Tài liệu chứng minh doanh nghiệp đáp ứng điều kiện nhập khẩu ô tô quy định tại Điều 15 Nghị định này, cụ thể:

- Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định này: 01 bản sao.

- Văn bản xác nhận hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp được quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài thực hiện lệnh triệu hồi ô tô nhập khẩu tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này đã được cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật: 01 bản sao.

3. Trình tự cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô:

a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác tới Bộ Công Thương;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện theo đúng quy định;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ Công Thương xem xét cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô cho doanh nghiệp (Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này).

Trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương thông báo thời gian tiến hành kiểm tra tính xác thực của các điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định này. Thời hạn kiểm tra không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày thông báo. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra, Bộ Công Thương xem xét cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô cho doanh nghiệp.

Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô cho doanh nghiệp, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Doanh nghiệp nhận Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô trực tiếp tại Bộ Công Thương hoặc qua hệ thống bưu chính (nếu có yêu cầu) hoặc theo hình thức phù hợp khác.

Điều 17. Cấp đổi Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô

1. Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô được cấp đổi trong trường hợp có sự thay đổi về nội dung thông tin ghi trên Giấy phép.

2. Hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô gồm:

a) Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô (Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

b) Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô đã được cấp: 01 bản sao;

c) Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.

3. Trình tự cấp đổi Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô:

a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác tới Bộ Công Thương;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện theo đúng quy định;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ Công Thương xem xét cấp đổi Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô cho doanh nghiệp.

Trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương thông báo thời gian tiến hành kiểm tra tính xác thực của các điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định này. Thời hạn kiểm tra không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày thông báo. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra, Bộ Công Thương xem xét cấp đổi Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô cho doanh nghiệp.

Trường hợp không cấp đổi Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô cho doanh nghiệp, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày được cấp đổi Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại cho Bộ Công Thương bản chính Giấy phép đã được cấp trước đó.

Điều 18. Cấp lại Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô

1. Trường hợp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô bị mất hoặc bị hỏng, hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô gồm Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô, trong đó nêu rõ lý do mất, thất lạc, hư hỏng (Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính.

2. Trình tự cấp lại Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô:

a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác tới Bộ Công Thương;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện theo đúng quy định;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ Công Thương xem xét cấp lại Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô cho doanh nghiệp. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 19. Tạm dừng hiệu lực, thu hồi Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô

1. Tạm dừng hiệu lực Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô đã cấp cho doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

a) Không thực hiện trách nhiệm bảo hành, triệu hồi, thu hồi ô tô nhập khẩu;

b) Không cung cấp, hoặc cung cấp không đầy đủ, không chính xác tài liệu hướng dẫn sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định này;

c) Không cung cấp sổ bảo hành, hoặc cung cấp điều kiện bảo hành thấp hơn so với điều kiện bảo hành theo quy định tại Nghị định này;

d) Không báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định này sau khi đã được Bộ Công Thương đôn đốc, nhắc nhở bằng văn bản.

Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bị tạm dừng hiệu lực Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô, nếu doanh nghiệp khắc phục hoàn toàn vi phạm sẽ được xem xét hủy bỏ việc tạm dừng hiệu lực Giấy phép.

2. Thu hồi Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô đã cấp cho doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp trả lại Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô đã được cấp;

b) Giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

c) Cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;

d) Cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo hồ sơ để được cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô;

đ) Cho thuê, mượn, tự ý sửa đổi nội dung Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô;

e) Không duy trì các điều kiện về cơ sở bảo hành, bảo dưỡng quy định tại Nghị định này trong quá trình kinh doanh nhập khẩu ô tô;

g) Không triển khai hoạt động kinh doanh trong thời gian 12 tháng liên tục kể từ ngày được cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô;

h) Không khắc phục hoàn toàn vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bị tạm dừng hiệu lực Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô.

3. Việc tạm dừng hiệu lực, thu hồi Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô thực hiện theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương. Quyết định phải ghi rõ lý do tạm dừng hiệu lực, thu hồi Giấy phép.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô, doanh nghiệp phải nộp lại bản chính Giấy phép cho Bộ Công Thương.

5. Bộ Công Thương có trách nhiệm thông báo cho cơ quan hải quan và công bố công khai về việc tạm dừng hiệu lực, thu hồi Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô.

6. Đối với các trường hợp đã bị thu hồi Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô, doanh nghiệp có nhu cầu cấp mới Giấy phép phải thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

Điều 20. Trách nhiệm của doanh nghiệp được cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô

1. Duy trì các điều kiện kinh doanh và bảo đảm việc thực hiện trách nhiệm bảo hành, bảo dưỡng, triệu hồi, thu hồi ô tô nhập khẩu theo quy định tại Nghị định này.

2. Cung cấp cho người mua các tài liệu, giấy tờ sau:

a) Tài liệu hướng dẫn sử dụng ô tô bằng tiếng Việt của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài hoặc được dịch sang tiếng Việt từ tài liệu hướng dẫn sử dụng của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài;

b) Sổ bảo hành nêu rõ các thông tin về thời hạn và điều kiện bảo hành; chu kỳ và nội dung công việc bảo dưỡng; địa chỉ cơ sở bảo hành, bảo dưỡng và các thông tin cần thiết khác phục vụ việc bảo hành, bảo dưỡng.

3. Báo cáo Bộ Công Thương trước ngày 30 tháng 01 hàng năm về tình hình nhập khẩu ô tô của năm trước đó (Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này).

Chương IV
ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG Ô TÔ

Điều 21. Điều kiện cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô

Doanh nghiệp thành lập theo quy định của pháp luật được cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Nhà xưởng được xây dựng trên khu đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp.

2. Mặt bằng, nhà xưởng đảm bảo phục vụ việc thực hiện bảo hành, bảo dưỡng.

3. Có các khu vực thực hiện các công việc tiếp nhận, bàn giao, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm tra xuất xưởng, có nhà điều hành, kho linh kiện, phụ kiện, khu vực rửa xe đáp ứng được công việc.

4. Có đầy đủ các dụng cụ, trang thiết bị phục vụ công việc bảo hành, bảo dưỡng ô tô. Các trang thiết bị đo lường phục vụ công việc bảo hành, bảo dưỡng ô tô phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đo lường.

5. Có thiết bị chẩn đoán động cơ, tình trạng kỹ thuật của xe (đối với ô tô có trang bị bộ điều khiển điện tử) phù hợp với các loại xe do cơ sở thực hiện bảo hành, bảo dưỡng. Phần mềm thiết bị chẩn đoán phải tuân thủ các quy định về sở hữu trí tuệ.

6. Có đội ngũ nhân lực và hệ thống quản lý chất lượng đảm bảo chất lượng cho việc bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

Các điều kiện nêu trên của cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô phải đáp ứng các yêu cầu về mặt bằng, trang thiết bị, dụng cụ, nhân lực, hệ thống quản lý chất lượng đối với cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa ô tô theo các loại ô tô tương ứng tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11794 Tiêu chuẩn cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và các phương tiện tương tự.

7. Có cam kết về việc hỗ trợ kỹ thuật và cung cấp linh kiện, phụ kiện phục vụ việc bảo hành, bảo dưỡng ô tô của:

a) Doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước (trong trường hợp cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng cho doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước); hoặc

b) Doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài (trong trường hợp cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng cho doanh nghiệp nhập khẩu ô tô).

8. Có đủ nhân lực, phương án bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

9. Đáp ứng đủ điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy, phương án chữa cháy theo quy định của pháp luật phòng cháy, chữa cháy.

10. Có đủ các hồ sơ về bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 22. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi là Cơ quan kiểm tra) là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô (Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương: 01 bản sao;

c) Bản kê khai năng lực cơ sở vật chất của cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô (Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

d) Tài liệu chứng minh cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại các khoản 1, 5, 7, 8, 9 và 10 Điều 21 Nghị định này: 01 bản sao.

3. Trình tự cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô:

a) Cơ sở bảo hành, bảo dưỡng nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác tới Cơ quan kiểm tra;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan kiểm tra có văn bản yêu cầu cơ sở bảo hành, bảo dưỡng bổ sung, hoàn thiện theo đúng quy định;

c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan kiểm tra thông báo thời gian và tiến hành kiểm tra, đánh giá thực tế cơ sở bảo hành, bảo dưỡng. Thời hạn kiểm tra không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày thông báo.

Ngay sau khi kết thúc kiểm tra, Cơ quan kiểm tra thông báo kết quả kiểm tra cho cơ sở bảo hành, bảo dưỡng biết và có các biện pháp khắc phục các hạng mục chưa đạt yêu cầu (nếu có);

d) Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô (Mẫu số 15 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này) được cấp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế đạt yêu cầu. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Cơ quan kiểm tra trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

đ) Cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô nhận Giấy chứng nhận trực tiếp tại Cơ quan kiểm tra hoặc qua hệ thống bưu chính (nếu có yêu cầu) hoặc theo hình thức phù hợp khác;

e) Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày đánh giá lần đầu, nếu cơ sở bảo hành, bảo dưỡng không khắc phục các hạng mục chưa đạt yêu cầu thì kết quả đánh giá và hồ sơ đăng ký của cơ sở bảo hành, bảo dưỡng sẽ bị hủy và Cơ quan kiểm tra thông báo bằng văn bản tới cơ sở bảo hành, bảo dưỡng. Nếu cơ sở bảo hành, bảo dưỡng có nhu cầu tiếp tục được chứng nhận sẽ phải thực hiện lại trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 23. Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô

1. Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô được cấp đổi trong trường hợp có sự thay đổi về nội dung thông tin ghi trên Giấy chứng nhận.

2. Hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô gồm:

a) Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô (Mẫu số 14 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

b) Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô đã được cấp: 01 bản sao;

c) Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.

3. Trình tự cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô:

a) Cơ sở bảo hành, bảo dưỡng nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác tới Cơ quan kiểm tra;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan kiểm tra có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện theo đúng quy định;

c) Trường hợp cần phải kiểm tra thực tế tại cơ sở bảo hành, bảo dưỡng, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan kiểm tra thông báo thời gian và tiến hành kiểm tra. Thời hạn kiểm tra không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày thông báo;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định hồ sơ và kết quả kiểm tra thực tế (nếu có) đạt yêu cầu, Cơ quan kiểm tra xem xét cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô cho doanh nghiệp. Trường hợp không cấp đổi Giấy chứng nhận, Cơ quan kiểm tra trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày được cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại cho Cơ quan kiểm tra bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp trước đó.

Điều 24. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô

1. Trong trường hợp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô bị mất hoặc bị hỏng, hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận gồm Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô, trong đó nêu rõ lý do mất, thất lạc, hư hỏng (Mẫu số 14 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính.

2. Trình tự cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô:

a) Cơ sở bảo hành, bảo dưỡng nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác tới Cơ quan kiểm tra;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan kiểm tra có văn bản yêu cầu cơ sở bảo hành, bảo dưỡng bổ sung, hoàn thiện theo đúng quy định;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan kiểm tra xem xét cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, Cơ quan kiểm tra trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 25. Kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất đối với cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô

1. Kiểm tra, giám sát định kỳ

Cơ quan kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra các doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng trên phạm vi toàn quốc theo định kỳ 24 tháng.

2. Kiểm tra đột xuất

Cơ quan kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra đột xuất Cơ sở bảo hành, bảo dưỡng trong các trường hợp sau:

a) Cơ quan kiểm tra nhận được văn bản khiếu nại có căn cứ của khách hàng đối với cơ sở bảo hành, bảo dưỡng về các nội dung liên quan đến việc bảo hành, bảo dưỡng ô tô;

b) Cơ quan kiểm tra nhận được thông tin phản ánh có căn cứ về việc cơ sở bảo hành, bảo dưỡng vi phạm các quy định tại Nghị định này hoặc vi phạm các nội dung liên quan đến việc bảo hành, bảo dưỡng ô tô;

c) Có văn bản yêu cầu của cơ quan chức năng.

3. Nội dung đánh giá: Cơ quan kiểm tra đánh giá việc duy trì hoạt động tại cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô theo các nội dung đăng ký và đã được chứng nhận. Nội dung đánh giá sẽ căn cứ vào các số liệu đánh giá của lần đầu và các năm trước đó, Báo cáo tình hình hoạt động của Cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô (Mẫu số 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này) và báo cáo về sự thay đổi (nếu có) của cơ sở bảo hành, bảo dưỡng.

4. Các nội dung kiểm tra phải được lập thành Biên bản. Trong trường hợp phát hiện sai phạm, đoàn kiểm tra có trách nhiệm kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền liên quan xử lý theo quy định.

Điều 26. Tạm dừng hiệu lực, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô

1. Tạm dừng hiệu lực Giấy chứng nhận đã cấp cho cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm các quy định liên quan đến việc duy trì các kết quả đã được kiểm tra, chứng nhận hoặc vi phạm các quy định khác tại Nghị định này;

b) Vi phạm các quy định khác của pháp luật và phải thực hiện theo quyết định xử lý của các cơ quan chức năng;

c) Không chấp hành các quyết định tại thời điểm kiểm tra đột xuất của Cơ quan kiểm tra.

Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bị tạm dừng hiệu lực Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô, nếu cơ sở bảo hành, bảo dưỡng khắc phục hoàn toàn vi phạm sẽ được xem xét hủy bỏ việc tạm dừng hiệu lực Giấy chứng nhận.

2. Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp cho cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô trong các trường hợp sau:

a) Cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô;

b) Cho thuê, mượn, tự ý sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô;

c) Chấm dứt hoạt động kinh doanh;

d) Không còn đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này;

đ) Không triển khai hoạt động bảo hành, bảo dưỡng ô tô trong thời gian 12 tháng liên tục kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô;

e) Không khắc phục hoàn toàn vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bị tạm dừng hiệu lực Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

3. Việc tạm dừng hiệu lực, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô thực hiện theo Quyết định của Cơ quan kiểm tra. Quyết định phải ghi rõ lý do tạm dừng hiệu lực, thu hồi Giấy chứng nhận.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng, doanh nghiệp phải nộp lại bản chính Giấy chứng nhận cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ra quyết định thu hồi.

5. Đối với các trường hợp đã bị thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô, doanh nghiệp có nhu cầu cấp mới Giấy chứng nhận phải thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

Điều 27. Trách nhiệm của cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô được cấp Giấy chứng nhận

1. Thực hiện bảo hành, bảo dưỡng ô tô của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp và doanh nghiệp nhập khẩu ô tô khi khách hàng đưa xe tới địa điểm của cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

2. Thực hiện bảo hành, bảo dưỡng ô tô theo đúng chế độ bảo hành, bảo dưỡng do doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô quy định.

3. Phối hợp cùng doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp và doanh nghiệp nhập khẩu ô tô trong quá trình thực hiện việc triệu hồi ô tô theo quy định.

4. Thực hiện việc đào tạo, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, kỹ thuật viên theo yêu cầu của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp và doanh nghiệp nhập khẩu ô tô.

5. Duy trì tình trạng hoạt động của cơ sở bảo hành, bảo dưỡng đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định này.

6. Chấp hành việc kiểm tra giám sát định kỳ, kiểm tra đột xuất của cơ quan có thẩm quyền.

7. Trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận, cơ sở bảo hành, bảo dưỡng có trách nhiệm giải quyết, hoàn thiện đầy đủ tất cả các công việc chưa hoàn thành tính đến thời điểm bị thu hồi giấy chứng nhận với khách hàng và phải chịu trách nhiệm với tất cả những công việc đó trong suốt thời gian bảo hành theo cam kết của Cơ sở bảo hành, bảo dưỡng.

Điều 28. Trách nhiệm của Cơ quan kiểm tra

1. Thực hiện kiểm tra, đánh giá, cấp, tạm dừng hiệu lực, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô theo quy định tại Nghị định này.

2. Thông báo cho Bộ Công Thương và công bố công khai về việc cấp, tạm dừng hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

3. Lưu trữ hồ sơ chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng trong thời gian 24 tháng kể từ ngày Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô không còn giá trị.

Chương V
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, LẮP RÁP, NHẬP KHẨU VÀ BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG Ô TÔ

Điều 29. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Bộ Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và cơ quan có thẩm quyền kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô và doanh nghiệp nhập khẩu ô tô tuân thủ các điều kiện quy định tại Nghị định này;

b) Tạm dừng hiệu lực, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô và Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô; Thông báo cho các cơ quan liên quan về việc tạm dừng hiệu lực, thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép;

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan trình các cấp có thẩm quyền bổ sung các giải pháp kỹ thuật để giảm lượng khí phát thải của các phương tiện ô tô tham gia lưu thông;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định về xử phạt đối với các hành vi gian lận thương mại trong lĩnh vực sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu ô tô;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ ban hành phương pháp xác định tỷ lệ giá trị sản xuất trong nước đối với ô tô.

2. Bộ Giao thông vận tải:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện việc kiểm tra cấp, tạm dừng hiệu lực, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng; thông báo đến các cơ quan liên quan về việc tạm dừng hiệu lực, thu hồi Giấy chứng nhận;

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô; quy định về triệu hồi ô tô;

c) Phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến cơ sở bảo hành, bảo dưỡng, ô tô và linh kiện ô tô phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô tô và linh kiện ô tô;

đ) Chủ trì kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô theo quy định tại Nghị định này.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, các tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật đối với ô tô, linh kiện ô tô hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế; chủ trì thẩm định và công bố tiêu chuẩn quốc gia đối với ô tô, linh kiện ô tô hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế;

b) Phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan xây dựng, công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô;

c) Phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô tô, linh kiện ô tô phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất

lượng sản phẩm, hàng hóa, đo lường trong hoạt động về sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

4. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng quy định về thuế linh kiện theo tỷ lệ giá trị sản xuất trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế;

b) Phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng quy định về xử phạt đối với các hành vi gian lận thương mại và thực hiện công tác phòng, chống gian lận thương mại đối với các loại xe nhập khẩu;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về giá xe nhập khẩu và xe sản xuất, lắp ráp trong nước trên Cổng thông tin điện tử.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, doanh nghiệp nhập khẩu ô tô và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường.

Điều 30. Trách nhiệm của địa phương

1. Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, giám sát về việc duy trì các điều kiện kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp và doanh nghiệp khẩu ô tô trên phạm vi địa bàn.

2. Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, giám sát về việc duy trì các điều kiện kinh doanh của các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô trên phạm vi địa bàn.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô

Các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô đang hoạt động được tiếp tục hoạt động trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực. Sau thời hạn trên, các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định này.

2. Đối với điều kiện kinh doanh nhập khẩu ô tô

a) Hoạt động kinh doanh nhập khẩu ô tô được thực hiện theo quy định hiện hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2017;

b) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, doanh nghiệp chỉ được phép nhập khẩu ô tô sau khi được cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô theo quy định tại Nghị định này;

c) Không phụ thuộc vào các quy định nêu tại điểm a khoản 2 Điều này, các doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này và được Bộ Công Thương cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô trước ngày 31 tháng 12 năm 2017 được quyền nhập khẩu ô tô kể từ ngày Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô có hiệu lực.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 33. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương và Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục I

YÊU CẦU TỐI THIỂU VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT, LẮP RÁP Ô TÔ

(Kèm theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ)

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ NHÀ XƯỞNG

1. Nhà xưởng được xây dựng trên khu đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp.

2. Nhà xưởng phải có đủ diện tích để bố trí các dây chuyền sản xuất, lắp ráp, kiểm tra phù hợp quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp ô tô theo Dự án đầu tư.

3. Nền nhà xưởng phải được sơn chống trơn hoặc có biện pháp khác nhằm chống trơn trượt và có vạch chỉ giới phân biệt lối đi an toàn và khu vực lắp đặt, bố trí các dây chuyền sản xuất.

4. Các sơ đồ quy trình công nghệ tổng thể và theo từng công đoạn sản xuất, lắp ráp phải được bố trí ở nơi thuận tiện thực hiện, theo dõi và kiểm soát quy trình.

5. Nhà xưởng phải được trang bị các hệ thống, trang thiết bị phụ trợ khác phục vụ sản xuất, lắp ráp như: Hệ thống điện công nghiệp - điện sinh hoạt; hệ thống cấp nước công nghiệp - sinh hoạt; hệ thống thông gió; hệ thống cung cấp và phân phối khí nén; máy phát điện dự phòng, bãi đậu xe, khu vực thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ.

II. DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ LẮP RÁP

1. Doanh nghiệp phải trang bị và lắp đặt dây chuyền công nghệ lắp ráp bao gồm: Lắp ráp khung, thân xe, lắp ráp tổng thành và lắp ráp ô tô theo đúng quy trình công nghệ đã nêu trong Dự án đầu tư.

2. Dây chuyền lắp ráp khung, thân xe phải được trang bị tối thiểu các thiết bị chính sau:

a) Hệ thống nâng hạ, xe vận chuyển gá đẩy chuyên dụng theo dây chuyền, hệ thống ray dẫn hướng dùng cho xe gá đẩy;

b) Các đồ gá hàn lắp cho sườn trái, sườn phải, mui xe, sàn xe, đuôi xe và cho lắp các cụm khung, vỏ đối với ô tô con; các đồ gá cho hàn lắp các dầm ngang dọc của khung đối với ô tô khách;

c) Các đồ gá chuyên dụng cho ghép mảng, cụm vỏ ô tô vào khung;

d) Đồ gá lắp thùng chở hàng vào thân đối với ô tô tải;

đ) Các trang thiết bị phụ, sửa chữa đi kèm.

3. Dây chuyền lắp ráp tổng thành và lắp ráp ô tô bao gồm: Lắp ráp các cụm tổng thành, hệ thống gầm, cầu sau, cầu trước và động cơ vào khung, các cụm điều khiển chính, trang thiết bị nội thất bên trong và hệ thống cửa lên xuống, cửa cạnh vào thân ô tô.

4. Số lượng, chủng loại và đặc tính kỹ thuật của các trang thiết bị, dụng cụ, đồ gá cho dây chuyền lắp ráp phải phù hợp với chủng loại sản phẩm và quy mô sản lượng trong Dự án đầu tư.

III. DÂY CHUYỀN HÀN

Doanh nghiệp phải trang bị dây chuyền hàn phù hợp với từng chủng loại ô tô, nhưng tối thiểu phải trang bị các thiết bị chính sau đây:

1. Máy hàn, thiết bị hàn và đồ gá chuyên dùng.

2. Hệ thống nâng, hạ, vận chuyển gá đẩy chuyên dụng theo dây chuyền.

3. Đồ gá hàn các mảng thân ô tô.

IV. DÂY CHUYỀN SƠN

1. Doanh nghiệp phải có dây chuyền sơn tự động hoặc bán tự động phù hợp, gồm các công đoạn chính sau đây:

a) Làm sạch và xử lý bề mặt;

b) Rửa, loại bỏ khoáng chất và điều hòa thể tích;

c) Sơn nhúng điện ly, sơn phun, sơn áp lực, sấy;

d) Chống thấm nước;

đ) Sơn trang trí, sơn bóng lớp ngoài cùng và phủ sáp để bảo vệ nước sơn.

2. Yêu cầu kỹ thuật về công nghệ sơn:

a) Đối với ô tô con: Thân vỏ ô tô phải được sơn nhúng điện ly lớp bên trong; lớp ngoài thân vỏ ô tô được sơn phun;

b) Đối với ô tô khách: Thân vỏ ô tô phải được sơn nhúng điện ly toàn bộ hoặc từng phần trước khi được sơn màu;

c) Đối với ô tô tải: Cabin ô tô được sơn nhúng điện ly lớp bên trong và sơn phun lớp bên ngoài; khung ô tô được sơn phun.

3. Doanh nghiệp phải trang bị đầy đủ các thiết bị kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng lớp sơn như: Độ dày, độ bóng, độ bám dính bề mặt.

V. DÂY CHUYỀN KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

1. Dây chuyền kiểm tra chất lượng sản phẩm phải được trang bị các thiết bị kiểm tra chuyên dùng theo từng công đoạn lắp ráp và thiết bị kiểm tra các chỉ tiêu xuất xưởng theo quy định hiện hành bao gồm cả chỉ tiêu an toàn và nồng độ khí thải.

2. Các thiết bị đo lường, kiểm tra chất lượng trong quá trình sản xuất, lắp ráp ô tô phải đáp ứng các quy định của pháp luật về đo lường.

3. Doanh nghiệp phải trang bị hệ thống máy tính để lưu trữ các kết quả kiểm tra chỉ tiêu ô tô lắp ráp xuất xưởng.

VI. ĐƯỜNG THỬ Ô TÔ

1. Yêu cầu chung

Tất cả ô tô do doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp phải được chạy thử trên đường thử ô tô đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tối thiểu quy định tại Nghị định này. Kết quả chạy thử phải được lưu trữ trên hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp.

Đường thử xe có chiều dài tối thiểu 800 m, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật để kiểm tra được chất lượng của xe sản xuất, lắp ráp trước khi xuất xưởng trên các loại đường: Đường bằng phẳng (là loại đường có mặt đường vuông góc với mặt phẳng trung tuyến của xe và thẳng hướng theo hướng di chuyển của xe), đường sỏi đá (là loại đường có mặt đường được phủ sỏi đá), đường gồ ghề (là loại đường có nhiều chỗ nhô lên không đồng đều trên bề mặt), đường gợn sóng (là loại đường có nhiều chỗ nhô lên không đồng đều trên bề mặt), đường dốc lên xuống (là loại đường có độ dốc tối thiểu 20% theo cả hai chiều dốc lên và dốc xuống), đường trơn ướt (là loại đường được thiết kế với hệ số ma sát nhỏ hơn so với hệ số ma sát đường bằng phẳng), đường cua (là loại đường có hình dạng một phần của cung tròn).

2. Quy định chi tiết các yêu cầu kỹ thuật tối thiểu đối với đường thử ô tô

a) Đường bằng phẳng:

- Chiều dài tối thiểu là 400 m và là loại đường thẳng;

- Chiều rộng tối thiểu là 3,75 m;

- Mặt đường có hệ số bám thấp là 0,6.

b) Đường sỏi đá:

- Chiều dài tối thiểu là 40 m;

- Chiều rộng tối thiểu là 3,5 m;

- Hình ảnh minh họa 2.1.

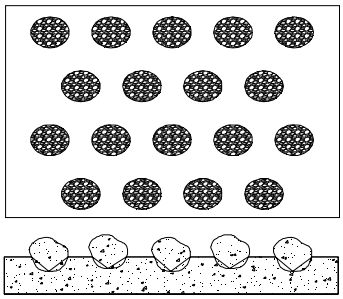

Hình 2.1

c) Đường gồ ghề:

- Chiều dài tối thiểu là 25 m;
- Chiều rộng tối thiểu là 3,5 m;
- Hình ảnh minh họa 2.2.

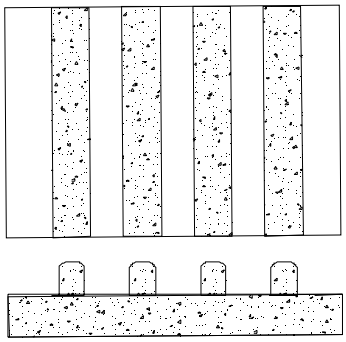

Hình 2.2

d) Đường gợn sóng:

- Chiều dài tối thiểu là 25 m;
- Chiều rộng tối thiểu là 3,5 m;
- Hình ảnh minh họa 2.3.

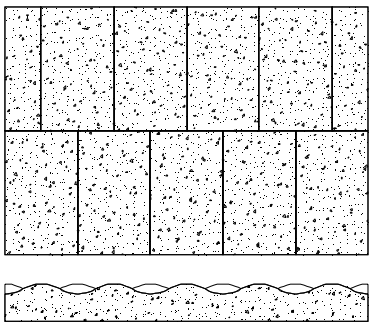

Hình 2.3

đ) Đường dốc lên xuống:

- Chiều dài tối thiểu là 30 m;
- Chiều rộng tối thiểu là 3,5 m;
- Độ dốc tối thiểu là 20%;
- Hình ảnh minh họa 2.4.

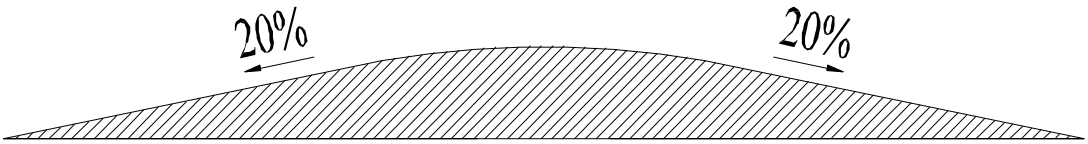

Hình 2.4

e) Đường trơn ướt (áp dụng đối với ô tô chở người dưới 9 chỗ ngồi):

- Chiều dài tối thiểu là 25 m;
- Chiều rộng tối thiểu là 3,5 m;
- Hình ảnh minh họa 2.5.

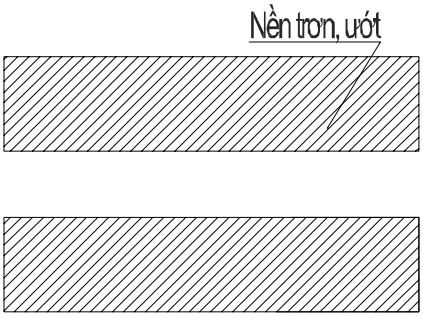

Hình 2.5

g) Đường cua:

- Chiều dài theo từng kiểu loại xe bố trí phù hợp;
- Chiều rộng theo từng kiểu loại xe bố trí phù hợp;
- Hình ảnh minh họa 2.6.

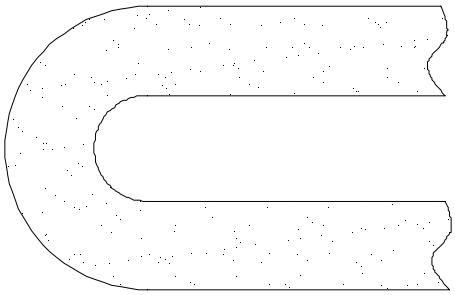

Hình 2.6

TT	Loại đường	Tính năng kiểm tra của đường thử
1	Đường bằng phẳng	Kiểm tra tính năng tăng tốc, chuyển các cấp số, hệ thống phanh chính, hệ thống lái
2	Đường sỏi đá	Kiểm tra tiếng ồn, tiếng động lạ, cách âm, tiêu âm
3	Đường gồ ghề	Kiểm tra độ bền hệ thống treo, giảm xóc, rung động thân xe
4	Đường gợn sóng	Kiểm tra độ bền thân xe, khung xương
5	Đường dốc	Kiểm tra khả năng vượt dốc, phanh đỗ
6	Đường trơn ướt	Kiểm tra ổn định lái khi phanh
7	Đường cua	Kiểm tra hệ thống lái, khả năng quay vòng

Phụ lục II

CÁC BIỂU MẪU

(Kèm theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô
Mẫu số 02	Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô
Mẫu số 03	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô
Mẫu số 04	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô
Mẫu số 05	Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô
Mẫu số 06	Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô
Mẫu số 07	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô
Mẫu số 08	Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô
Mẫu số 09	Biên bản kiểm tra doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô
Mẫu số 10	Báo cáo định kỳ tình hình sản xuất, lắp ráp ô tô
Mẫu số 11	Báo cáo định kỳ tình hình nhập khẩu ô tô
Mẫu số 12	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô
Mẫu số 13	Bản kê khai năng lực và cơ sở vật chất của cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô
Mẫu số 14	Đơn đề nghị cấp đổi/cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô
Mẫu số 15	Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô
Mẫu số 16	Báo cáo tình hình hoạt động của cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô

Mẫu số 01

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

....., ngày... tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, LẮP RÁP Ô TÔ

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Tên doanh nghiệp.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Emai:.....

Người liên hệ:..... Chức danh:..... Điện thoại: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Căn cứ Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô;

1. Đề nghị Bộ Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô cho các chủng loại ô tô sau:

a) .....

b) .....

2. Hồ sơ kèm theo:

.....

..... (tên doanh nghiệp) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và tên, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 02

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

....., ngày... tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, LẮP RÁP Ô TÔ

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Tên doanh nghiệp.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Emai:.....

Người liên hệ:..... Chức danh:..... Điện thoại: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp ngày..... tháng... năm.....

Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô Số..... ngày..... tháng..... năm.....

1. Đề nghị Bộ Công Thương xem xét cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô các nội dung sau:

a) Thông tin cũ:.....

b) Thông tin mới:.....

2. Lý do điều chỉnh:

.....

3. Hồ sơ kèm theo:

.....

..... (tên doanh nghiệp) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và tên, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 03

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...	*....., ngày... tháng... năm 20...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, LẮP RÁP Ô TÔ

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên doanh nghiệp.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Emai:.....

Người liên hệ:..... Chức danh:..... Điện thoại: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp ngày..... tháng... năm.....

Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô số..... ngày..... tháng..... năm.....

1. Đề nghị Bộ Công Thương cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô.

2. Lý do đề nghị cấp lại:

.....

3. Hồ sơ kèm theo:

.....

..... (tên doanh nghiệp) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và tên, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 04

BỘ CÔNG THƯƠNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:... *....., ngày... tháng... năm....*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, LẮP RÁP Ô TÔ

Căn cứ Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô số... ngày..... của.... (tên doanh nghiệp),

Bộ Công Thương cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô cho doanh nghiệp:

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: .....

- Địa chỉ:..... Điện thoại:..... Fax:..... Email: .....

- Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

- Địa chỉ cơ sở bảo hành, bảo dưỡng..... điện thoại .....

- Địa điểm dự án sản xuất, lắp ráp ô tô:.....

II. NỘI DUNG CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

..... (tên doanh nghiệp) được sản xuất, lắp ráp các chủng loại ô tô sau:

1.....

2.....

..... (tên doanh nghiệp) có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

III. GIẤY CHỨNG NHẬN NÀY CÓ HIỆU LỰC KỂ TỪ NGÀY KÝ./.

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....

(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.... *....., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH NHẬP KHẨU Ô TÔ

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên doanh nghiệp.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Emai:.....

Người liên hệ:..... Chức danh:..... Điện thoại: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Căn cứ Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô;

1. Đề nghị Bộ Công Thương xem xét cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô cho các loại ô tô sau:

Loại	Nhãn hiệu	Chưa qua sử dụng	Đã qua sử dụng	Ghi chú
1. Ô tô con				
2. Ô tô khách				
3. Ô tô tải				

2. Hồ sơ kèm theo:..... (tên doanh nghiệp) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 06

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...	*....., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP KINH DOANH NHẬP KHẨU Ô TÔ

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Tên doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email.....

Người liên hệ:..... Chức danh:..... Điện thoại:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô số..... ngày..... tháng..... năm....

1. Đề nghị Bộ Công Thương xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô các nội dung sau:

a) Thông tin cũ:.....

b) Thông tin mới:.....

2. Lý do điều chỉnh:.....

3. Hồ sơ kèm theo:.....

..... *(tên doanh nghiệp)* xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 07

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:... *....., ngày... tháng... năm...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH NHẬP KHẨU Ô TÔ

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Tên doanh nghiệp.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email.....

Người liên hệ:..... Chức danh:..... Điện thoại:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô số..... ngày... tháng... năm...

1. Đề nghị Bộ Công Thương xem xét cấp lại Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô.

2. Lý do đề nghị cấp lại: .....

3. Hồ sơ kèm theo: .....

..... *(tên doanh nghiệp)* xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 08

BỘ CÔNG THƯƠNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../..... *....., ngày... tháng... năm...*

GIẤY PHÉP KINH DOANH NHẬP KHẨU Ô TÔ

Căn cứ Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô số.... ngày..... của.... (tên doanh nghiệp nhập khẩu),

Bộ Công Thương cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô cho doanh nghiệp:

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: .....
- Địa chỉ:..... Điện thoại:..... Fax:..... Email: .....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....
- Địa chỉ cơ sở bảo hành, bảo dưỡng..... điện thoại.....

II. NỘI DUNG CẤP PHÉP

..... (tên doanh nghiệp) được phép nhập khẩu các chủng loại ô tô sau:

Loại	Nhãn hiệu	Chưa qua sử dụng	Đã qua sử dụng	Ghi chú
1. Ô tô con				
2. Ô tô khách				
3. Ô tô tải				

..... (tên doanh nghiệp) có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

III. GIẤY PHÉP NÀY CÓ HIỆU LỰC KỂ TỪ NGÀY KÝ./.

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT,.....

(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 09

CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT, LẮP RÁP Ô TÔ

Thực hiện Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng.... năm.... của..... (tên cơ quan kiểm tra) về việc thành lập Đoàn kiểm tra hoạt động sản xuất, lắp ráp ô tô, hôm nay vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm....., Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra hoạt động sản xuất, lắp ráp ô tô tại doanh nghiệp:....., kết quả như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên doanh nghiệp kiểm tra: .....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax: .....

2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số:..... do..... cấp..... ngày..... tháng..... năm.....

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô số:..... do..... ..... cấp..... ngày... tháng..... năm..... (nếu có).

4. Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số: .....

5. Thành phần đoàn kiểm tra gồm các Ông (Bà) có tên sau đây:.....

6. Đại diện doanh nghiệp được kiểm tra..... Chức vụ.....

II. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA

Kiểm tra việc tuân thủ các quy định tại Nghị định số...../2017/NĐ-CP ngày..... tháng..... năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

TT	Hạng mục kiểm tra	Kết quả		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
A. Điều kiện về cơ sở vật chất				
I. Yêu cầu về nhà xưởng sản xuất				
1	Diện tích nhà xưởng			
2	Nền nhà xưởng			

3	Các sơ đồ quy trình công nghệ tổng thể và theo từng công đoạn sản xuất, lắp ráp			
4	Các hệ thống, trang thiết bị phụ trợ khác phục vụ sản xuất, lắp ráp			
II. Yêu cầu về dây chuyền công nghệ lắp ráp				
1	Dây chuyền lắp ráp khung, thân xe			
2	Dây chuyền lắp ráp tổng thành			
3	Dây chuyền lắp ráp ô tô			
4	Số lượng, chủng loại và đặc tính kỹ thuật của các trang thiết bị, dụng cụ, đồ gá cho dây chuyền lắp ráp			
III. Yêu cầu về dây chuyền hàn				
1	Máy hàn, thiết bị hàn và đồ gá chuyên dùng			
2	Hệ thống nâng, hạ, vận chuyển gá đẩy chuyên dụng theo dây chuyền			
3	Đồ gá hàn các mảng thân ô tô			
IV. Yêu cầu về dây chuyền sơn				
1	Dây chuyền sơn tự động hoặc bán tự động			
2	Kỹ thuật công nghệ sơn			
3	Các thiết bị kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng lớp sơn			
V. Yêu cầu về dây chuyền kiểm tra chất lượng sản phẩm				
1	Các thiết bị kiểm tra chuyên dùng theo từng công đoạn lắp ráp			
2	Các thiết bị kiểm tra các chỉ tiêu xuất xưởng			
3	Hệ thống máy tính lưu trữ các kết quả kiểm tra chỉ tiêu ô tô lắp ráp xuất xưởng			
VI. Yêu cầu về đường thử xe ô tô				
1	Chiều dài tối thiểu của đường thử			
2	Đường bằng phẳng			
3	Đường sỏi đá			
4	Đường ghồ ghề			
5	Đường gợn sóng			
6	Đường dốc lên xuống			
7	Đường trơn ướt			
8	Đường cua			
B. Điều kiện về trình độ nhân lực				
1	Bằng cấp chuyên môn của người phụ trách kỹ thuật các dây chuyền sản xuất, lắp ráp ô tô			
C. Điều kiện về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy và chữa cháy và bảo vệ môi trường				
1	Đội ngũ nhân lực bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động			
2	Phương án bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động			
3	Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy, phương án chữa cháy			
4	Hồ sơ về bảo vệ môi trường đối với nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô			

III. KẾT LUẬN

1. Đánh giá

a) Các hạng mục đã thực hiện: .....

b) Các hạng mục chưa thực hiện: .....

2. Kiến nghị

a) Kiến nghị của Đoàn kiểm tra đối với doanh nghiệp.....

b) Kiến nghị của doanh nghiệp đối với Đoàn kiểm tra

.....

.....

3. Kết luận

.....

Đoàn kiểm tra kết thúc hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản được lập thành 02 bản có nội dung như nhau. Biên bản đã được đọc lại cho những người có tên trên cùng nghe, công nhận nội dung ghi trong biên bản là đúng và ký tên. 01 bản được giao cho Đoàn kiểm tra và 01 bản được giao cho doanh nghiệp được kiểm tra.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp	**Trưởng đoàn kiểm tra**
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên)*

Mẫu số 10

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../..... *....., ngày... tháng... năm 20...*

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, LẮP RÁP Ô TÔ
Năm.....

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Tên doanh nghiệp.....

Trụ sở giao dịch:..... Điện thoại:..... Fax:.....

Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô số..... ngày..... tháng..... năm....

Căn cứ Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô;

..... (tên doanh nghiệp) báo cáo tình hình sản xuất, lắp ráp ô tô năm... như sau:

Loại ô tô	Số lượng	Giá trị	Ghi chú
1. Ô tô con			
a)			
b)			
2. Ô tô khách			
a)			
b)			
3. Ô tô tải			
a)			
b)			
4. Ô tô chuyên dùng			
a)			
b)			

..... *(tên doanh nghiệp)* xin cam đoan những nội dung kê khai trên đây là đúng sự thật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 11

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../..... *....., ngày... tháng... năm 20...*

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU Ô TÔ
Năm.....

Kính gửi: Bộ Công Thương

Tên doanh nghiệp.....
Địa chỉ trụ sở chính:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email.....
Đã được cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô số..... ngày..... tháng..... năm....

Căn cứ Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô;

..... (tên doanh nghiệp) báo cáo tình hình nhập khẩu ô tô năm..... như sau:

Loại ô tô	**Số lượng**	**Giá trị**	**Tờ khai nhập khẩu (số, ngày cấp)**	**Cửa khẩu nhập khẩu**	**Tình trạng xe (chưa qua sử dụng/ đã qua sử dụng**	**Ghi chú**
1. Ô tô con						
a)						
b)						
2. Ô tô khách						
a)						
b)						
3. Ô tô tải						
a)						
b)						
4. Ô tô chuyên dùng						
a)						
b)						

..... *(tên doanh nghiệp)* xin cam đoan những nội dung kê khai trên đây là đúng sự thật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 12

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....

....., ngày... tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG Ô TÔ

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Tên cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Địa chỉ xưởng bảo hành, bảo dưỡng:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email: .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Tên doanh nghiệp sản xuất/nhập khẩu ô tô (*): .....

Địa chỉ:.....

1. Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam xem xét, đánh giá, cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô theo quy định tại Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô cho các loại ô tô sau:

a) Ô tô..... *(con, tải, khách, chuyên dùng)....*

b) ...

2. Tài liệu kèm theo bao gồm:

.....

..... (tên doanh nghiệp) cam kết thực hiện đúng các quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng tại Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác liên quan./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và tên, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Trường hợp Cơ sở bảo hành, bảo dưỡng đăng ký cấp giấy chứng nhận nhưng không đăng ký là cơ sở bảo hành, bảo dưỡng của doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu ô tô thì không cần khai báo phần này.

Mẫu số 13

BẢN KÊ KHAI NĂNG LỰC VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA CƠ SỞ BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG Ô TÔ

I. LOẠI PHƯƠNG TIỆN CÓ THỂ THỰC HIỆN BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG VÀ SỬA CHỮA

Số TT	Nhãn hiệu	Số loại	Ghi chú
1	Ô tô con		
a)			
b)			
...			
2	Ô tô khách		
a)			
b)			
...			
3	Ô tô tải		
a)			
b)			
...			
4	Ô tô chuyên dùng		
a)			
b)			
...			

II. VỀ CÔNG SUẤT THIẾT KẾ VÀ NĂNG LỰC HIỆN TẠI CỦA CƠ SỞ BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG:

1 Công suất thiết kế của cơ sở bảo hành, bảo dưỡng:..... lượt xe/năm.

a) Ô tô con, khách cỡ nhỏ, xe tải nhỏ (hoặc cỡ tương đương) ..... lượt xe/năm.

b) Khách cỡ trung, xe tải hạng trung (hoặc cỡ tương đương) ..... lượt xe/năm.

c) Khách cỡ lớn, xe tải hạng nặng (hoặc cỡ tương đương) ..... lượt xe/năm.

2 Công suất vận hành hiện tại của cơ sở bảo hành, bảo dưỡng:..... lượt xe/năm.

a) Ô tô con, khách cỡ nhỏ, xe tải nhỏ (hoặc cỡ tương đương) ..... lượt xe/năm.

b) Khách cỡ trung, xe tải hạng trung (hoặc cỡ tương đương) ..... lượt xe/năm.

c) Khách cỡ lớn, xe tải hạng nặng (hoặc cỡ tương đương) ..... lượt xe/năm.

III. VỀ DIỆN TÍCH NHÀ XƯỞNG, SỐ LƯỢNG KHOANG PHỤC VỤ CÔNG VIỆC BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG

1 Tổng diện tích chung của cơ sở bảo hành, bảo dưỡng : ..... m^2.

2 Diện tích trực tiếp phục vụ cho công việc bảo hành, bảo dưỡng : ..... m^2.

a) Khu vực phục vụ bảo hành, bảo dưỡng và sửa chữa chung (khung gầm, động cơ, điện, điều hòa, khu vực sửa chữa tổng thành và hệ thống)

- Diện tích : ..... m^2
- Số khoang bảo hành, bảo dưỡng và sửa chữa chung : ..... Khoang
+ Ô tô con, khách cỡ nhỏ, xe tải nhỏ (hoặc cỡ tương đương) : ..... Khoang
+ Khách cỡ trung, xe tải hạng trung (hoặc cỡ tương đương) : ..... Khoang
+ Khách cỡ lớn, xe tải hạng nặng (hoặc cỡ tương đương) : ..... Khoang
- Số cầu nâng, hầm sửa chữa (nếu có)
+ Cầu nâng 2 trụ tải trọng nâng tối đa.... kg : ..... Chiếc
+ Cầu nâng 4 trụ tải trọng nâng tối đa.... kg : ..... Chiếc
+ Cầu nâng di động tải trọng nâng tối đa.... kg : ..... Chiếc
+ Cầu nâng..... : ..... Chiếc

b) Khu vực phục vụ gò, hàn và sơn

- Diện tích : ..... m^2
- Số khoang gò, hàn và sơn : ..... Khoang
+ Ô tô con, khách cỡ nhỏ, xe tải nhỏ (hoặc cỡ tương đương) : ..... Khoang
+ Khách cỡ trung, xe tải hạng trung (hoặc cỡ tương đương) : ..... Khoang
+ Khách cỡ lớn, xe tải hạng nặng (hoặc cỡ tương đương) : ..... Khoang
+ Số buồng sơn, buồng sơn sấy : ..... Buồng
- Số cầu nâng (nếu có)
+ Cầu nâng 2 trụ tải trọng nâng tối đa.... kg : ..... Chiếc
+ Cầu nâng 4 trụ tải trọng nâng tối đa.... kg : ..... Chiếc
+ Cầu nâng di động tải trọng nâng tối đa.... kg : ..... Chiếc
+ Cầu nâng..... : ..... Chiếc

c) Khu vực kiểm tra xuất xưởng

- Diện tích : ..... m^2
- Số khoang phục vụ kiểm tra xuất xưởng : ..... Khoang
+ Ô tô con, khách cỡ nhỏ, xe tải nhỏ (hoặc cỡ tương đương) : ..... Khoang

+ Khách cỡ trung, xe tải hạng trung (hoặc cỡ tương đương) : ..... Khoang

+ Khách cỡ lớn, xe tải hạng nặng (hoặc cỡ tương đương) : ..... Khoang

- Số cầu nâng, mễ kê, hầm kiểm tra (nếu có)

+ Cầu nâng:

- Cầu nâng 2 trụ tải trọng nâng tối đa.... kg : ..... Chiếc
- Cầu nâng 4 trụ tải trọng nâng tối đa.... kg : ..... Chiếc
- Cầu nâng di động tải trọng nâng tối đa.... kg : ..... Chiếc
- Cầu nâng..... : ..... Chiếc

+ Hầm kiểm tra

- Số lượng

d) Khu vực rửa xe

- Diện tích : ..... m^2

- Số khoang rửa xe : ..... Khoang

+ Ô tô con, khách cỡ nhỏ, xe tải nhỏ (hoặc cỡ tương đương) : ..... Khoang

+ Khách cỡ trung, xe tải hạng trung (hoặc cỡ tương đương) : ..... Khoang

+ Khách cỡ lớn, xe tải hạng nặng (hoặc cỡ tương đương) : ..... Khoang

Ghi chú:

+ Diện tích 01 khoang bảo dưỡng, sửa chữa ô tô con, khách cỡ nhỏ, xe tải nhỏ (hoặc cỡ tương đương) : ..... m^2

D:.... x R:.....

+ Diện tích 01 khoang bảo dưỡng, sửa chữa xe khách cỡ trung, xe tải hạng trung (hoặc cỡ tương đương) : ..... m^2

D:.... x R:.....

+ Diện tích 01 khoang bảo dưỡng, sửa chữa xe khách cỡ lớn, xe tải hạng nặng (hoặc cỡ tương đương) : ..... m^2

D:.... x R:.....

IV. VỀ TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG *(xem chi tiết tại danh mục các trang thiết bị bảo hành, bảo dưỡng đính kèm)*

V. VỀ NHÂN LỰC PHỤC VỤ BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG *(xem chi tiết tại danh mục nhân lực của cơ sở bảo hành, bảo dưỡng đính kèm)*

CƠ SỞ BẢO HÀNH

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 14

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI/CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG Ô TÔ

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Tên cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Địa chỉ xưởng bảo hành, bảo dưỡng:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email: .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

(*)Tên doanh nghiệp sản xuất/nhập khẩu ô tô: .....

(*)Địa chỉ:.....

Đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô số... ngày... tháng... năm...

1. Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam xem xét cấp đổi/cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô theo quy định tại Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô cho các loại ô tô sau:

a) Ô tô..... *(con, tải, khách, chuyên dùng)....*

b) ...

2. Lý do đề nghị cấp đổi/cấp lại:

.....

3. Hồ sơ kèm theo:

..... (tên doanh nghiệp) cam kết thực hiện đúng các quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng tại Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và tên, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Trường hợp cơ sở bảo hành, bảo dưỡng đăng ký cấp giấy chứng nhận nhưng không đăng ký là cơ sở bảo hành, bảo dưỡng của doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu ô tô thì không cần khai báo phần này.

Mẫu số 15

GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG Ô TÔ

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG Ô TÔ

Căn cứ Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký số: Ngày / /

Căn cứ vào báo cáo kết quả đánh giá số: Ngày / /

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Tên cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô:

Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ xưởng bảo hành, bảo dưỡng:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đầu tư số: Ngày cấp:

Loại phương tiện bảo hành, bảo dưỡng:

Tên doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp/nhập khẩu ô tô:

Địa chỉ:

Cơ sở nêu trên đã được kiểm tra đánh giá và phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11794

Hà Nội, ngày tháng năm

CỤC TRƯỞNG

Ghi chú: Cơ sở phải tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động hợp pháp tại địa điểm đăng ký và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc này.

Mẫu số 16

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG

Năm 20...

STT	Số liệu thống kê	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
1	**Số lượng xe thực hiện bảo dưỡng định kỳ**												
a)	Ô tô con												
b)	Ô tô khách												
c)	Ô tô tải												
d)	Ô tô chuyên dùng												
2	**Số lượng xe thực hiện bảo hành do lỗi của nhà sản xuất**												
a)	Ô tô con												
b)	Ô tô khách												
c)	Ô tô tải												
d)	Ô tô chuyên dùng												
3	**Số lượng xe thực hiện bảo hành do lỗi của cơ sở**												
a)	Ô tô con												
b)	Ô tô khách												
c)	Ô tô tải												
d)	Ô tô chuyên dùng												